

TOÀÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ PLEIKU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH GIA LAI
Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Toan.
2. Bà Doãn Thị Lệ.
 - Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đại Bình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
 - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình- Kiểm sát viên.
- Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, về việc : “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:
- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1988. Địa chỉ: 3 T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
 - **Bị đơn:** Anh Đoàn Quang C, sinh năm 1984. Địa chỉ: 3 T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim B trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim B và anh Đoàn Quang C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013. Quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Nguyễn Thị Kim B và anh Đoàn Quang C không còn quan tâm tới nhau. Nay chị B nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Kim B yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị B được ly hôn với anh Đoàn Quang C.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đoàn Quang Minh T1, sinh ngày 15/10/2022. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu T1. Vì chị B có việc làm và thu nhập ổn định còn anh C đã nghỉ việc chưa tìm được việc làm, mặt khác cháu T là con gái và có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu T1 thì còn nhỏ mới 02 tuổi. Nghỉ hè năm 2024 chị B có đưa 02 con về thăm quê nội ở đồng N, sau đó đến đón con thì anh C không cho đón con và anh C không cho chị B liên lạc với con, chị B liên lạc với anh C qua điện thoại thì lúc anh C nói đang ở nơi này, lúc anh C nói ở nơi khác nên chị B không biết hiện nay anh C đang ở đâu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Đoàn Quang C:** Anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại Bản tự khai và tại phiên hòa giải thì C thừa nhận quá trình chung sống, anh C và chị B đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung, anh C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đoàn Quang Minh T1, sinh ngày 15/10/2022. Chị B yêu cầu được nuôi 02 con thì anh C không đồng ý và anh C cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị B và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị B được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Giao 02 cho chị B nuôi dưỡng là phù hợp.

- Việc cấp dưỡng: Không yêu cầu, nên không xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu, nên không xét.

- Về án phí: nguyên đơn phải chịu theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Đoàn Quang C, sinh năm 1984. Địa chỉ: 3 T, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn anh Đoàn Quang C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim B và anh Đoàn Quang C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 25, ngày 04/3/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị B và anh C là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến không thể sống chung với nhau được, còn anh C cũng công nhận vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng và cũng đồng ý ly hôn, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Từ căn cứ trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị B và anh C là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn tôn trọng, chăm sóc nhau trong khoảng thời gian dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đoàn Quang Minh T1, sinh ngày 15/10/2022. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, nhưng anh C không đồng ý và anh C cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con. Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng con là quyền và nghĩa vụ của những người làm cha làm mẹ, tuy nhiên cần xem xét một cách toàn diện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các con. Thấy rằng, chị B có việc làm và thu nhập ổn định còn anh C yêu cầu nuôi 02 con nhưng không cung cấp chứng cứ cho Tòa để chứng minh mình đủ khả năng nuôi 02 con, mặt khác cháu T là con gái và có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu T1 thì còn nhỏ mới 02 tuổi. Nên yêu cầu nuôi dưỡng 02 con của chị B là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim B.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim B được ly hôn với anh Đoàn Quang C.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đoàn Quang Minh T1, sinh ngày 15/10/2022.

Giao 02 con chung là cháu Đoàn Ngọc Bảo T, sinh ngày 15/01/2014 và cháu Đoàn Quang Minh T1, sinh ngày 15/10/2022 cho chị Nguyễn Thị Kim B trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T, cháu T1 đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0001408 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Kim B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS tp Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- (Giấy CNKH số 25, ngày 04/3/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hồng

